

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều chỉnh chi tiết một số danh mục kế hoạch vốn đầu tư công  
năm 2018 do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2018 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 191/TTr-SKHĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

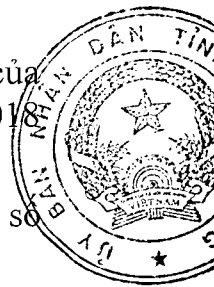
**Điều 1.** Điều chỉnh chi tiết một số danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, cụ thể như sau:

1. Giảm vốn 01 danh mục công trình là 1.695 triệu đồng.
2. Tăng vốn 01 danh mục công trình là 1.695 triệu đồng.

*(Kèm Phụ biểu chi tiết)*

**Điều 2.** Giao trách nhiệm:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo danh mục và số vốn điều chỉnh tại Điều 1 của Quyết định này cho các đơn vị thực hiện và kiểm tra việc tổ chức thực hiện; tổng hợp danh mục công trình, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.



2. Chủ đầu tư (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện và đẩy nhanh tiến độ các công trình, đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch được giao.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 của QĐ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT (05b);
- LĐVP, P.KTTH, P.KTCN, P.TH;
- Lưu: VT, dvbang (01b).



**Mai Anh Nhịn**





# **DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018 DO SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH QUẢN LÝ**

Nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Danh mục dự án                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm XD | Thời gian KC-HT | QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm |                                |                | Kế hoạch năm 2018 | Kế hoạch năm 2018 sau điều chỉnh | Chênh lệch |          | Phân cấp vốn huyện, thị quản lý | Ghi chú |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------|--------------------------------------------------|--------------------------------|----------------|-------------------|----------------------------------|------------|----------|---------------------------------|---------|
|    |                                                                                                                                                                                                                            |             |                 | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành         | TMDT                           |                |                   |                                  | Tăng (+)   | Giảm (-) |                                 |         |
|    |                                                                                                                                                                                                                            |             |                 |                                                  | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP |                   |                                  |            |          |                                 |         |
| 1  | 2                                                                                                                                                                                                                          | 3           | 4               | 5                                                | 6                              | 7              | 8                 | 9                                | 10         | 11       | 12                              | 13      |
|    | TỔNG SỐ                                                                                                                                                                                                                    |             |                 |                                                  |                                |                | 19.594            | 19.594                           | 1.695      | -1.695   | 0                               |         |
|    | Ngành, lĩnh vực Nông nghiệp                                                                                                                                                                                                |             |                 |                                                  |                                |                | 19.594            | 19.594                           | 1.695      | -1.695   | 0                               |         |
| 1  | Tiểu dự án ĐT XD cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản huyện An Minh, An Biên - thuộc Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công. | AB, AM      | 2017-2020       | 1044/QĐ-UBND, 06/5/2016                          | 736.800                        | 109.373        | 19.594            | 17.899                           |            | -1.695   |                                 |         |
| 2  | Dự án mô hình bố trí dân cư vành đai biên giới Việt Nam - Campuchia                                                                                                                                                        | GT          | 2011-2018       | 207, 19/01/2011; 1392, 19/6/2018                 | 57.948                         | 8.098          | 0                 | 1.695                            | 1.695      |          |                                 |         |